

Số: 87 /QĐ-NVB

Hóc Môn, ngày 09 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh
Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa, năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VĂN BÚA

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều 11 - Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông Tư 22/2020-TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Theo đề nghị của Hội đồng trường trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá xếp loại học sinh trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa trong năm học 2024-2025;

Điều 2. Quy chế đánh giá xếp loại học sinh trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa được thống nhất áp dụng thực hiện từ tháng 9/2024 đến khi ban hành Quy chế đánh giá xếp loại học sinh mới hoặc khi có điều chỉnh một số Điều, Khoản phù hợp và đúng quy định mới;

Điều 3. Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, học sinh và các Ông, Bà là cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách công thông tin nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Nguyệt

QUY CHẾ
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VĂN BÚA
Năm học: 2024-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-NVB, ngày 09 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức các đợt kiểm tra thường xuyên, tập trung (kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra cuối kỳ) tại Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa, bao gồm: chuẩn bị cho kỳ kiểm tra; công tác ra đề kiểm tra; coi kiểm tra; chấm kiểm tra; đánh giá, xếp loại.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.

Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.

Kiểm tra, đánh giá quá trình tổ chức dạy học và giáo dục của nhà trường qua đó đánh giá đúng thực chất năng lực, trình độ của mỗi học sinh và hiệu quả giảng dạy của mỗi giáo viên.

Nhằm giúp cho việc kiểm tra, đánh giá của nhà trường cuối mỗi học kỳ và cuối năm học.

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Điều 3. Các loại kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá

Căn cứ vào thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021, Chương II, điều 5, điểm 3 như sau:

Hình thức đánh giá đối với các môn học

a/ Đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

b/ Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông, trừ các môn học quy định tại điểm a khoản này; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

*** Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:**

- Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh; xác nhận kết quả đạt được của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

- Mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học.

*** Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện sau **mỗi giai đoạn** giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ, gồm kiểm tra đánh giá giữa kỳ và kiểm tra đánh giá cuối kỳ, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kỳ bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính môn học từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.

+ Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này nếu có **lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù** với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kỳ.

+ Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định tại khoản 4 Điều này thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

Điều 4. Hệ số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐGtx): tính hệ số 1;
- Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (viết tắt là ĐĐGgk): tính hệ số 2;
- Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (viết tắt là ĐĐGck): tính hệ số 3.

Điều 5. Số điểm kiểm tra, đánh giá và cách cho điểm

Trong mỗi học kỳ, số ĐĐGtx, ĐĐGgk và ĐĐGck của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

*** Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:**

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐGtx;
- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐGtx;
- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐGtx.

*** Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

Trong mỗi học kỳ, một môn học có 01 (một) ĐĐGgk và 01 (một) ĐĐGck;
Cụ thể:

CÁC CỘT ĐIỂM KIỂM TRA QUY ĐỊNH

STT	MÔN	SỐ TIẾT /NĂM	HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2		
			ĐG TX (HS1)	ĐG GK (HS2)	ĐG CK (HS3)	ĐG TX (HS1)	ĐG GK (HS2)	ĐG CK (HS3)
			SL	SL	SL	SL	SL	SL
1.	TOÁN 6	140	4	1	1	4	1	1
2.	TOÁN 7	140	4	1	1	4	1	1
3.	TOÁN 8	140	4	1	1	4	1	1
4.	TOÁN 9	140	4	1	1	4	1	1
5.	KHTN 6	140	4	1	1	4	1	1

STT	MÔN	SỐ TIẾT /NĂM	HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2		
			ĐG TX (HS1)	ĐGKK (HS2)	ĐGCK (HS3)	ĐG TX (HS1)	ĐGKK (HS2)	ĐGCK (HS3)
			SL	SL	SL	SL	SL	SL
6.	KHTN 7	140	4	1	1	4	1	1
7.	KHTN 8	140	4	1	1	4	1	1
8.	KHTN 9	140	4	1	1	4	1	1
9.	C. NGHỆ 6	35	2	1	1	2	1	1
10.	C. NGHỆ 7	35	2	1	1	2	1	1
11.	C. NGHỆ 8	52.5	2	1	1	2	1	1
12.	C. NGHỆ 9	52.5	2	1	1	2	1	1
13.	TIN 6	35	2	1	1	2	1	1
14.	TIN 7	35	2	1	1	2	1	1
15.	TIN 8	35	2	1	1	2	1	1
16.	TIN 9	35	2	1	1	2	1	1
17.	VĂN 6	140	4	1	1	4	1	1
18.	VĂN 7	140	4	1	1	4	1	1
19.	VĂN 8	140	4	1	1	4	1	1
20.	VĂN 9	140	4	1	1	4	1	1
21.	Lịch sử - Địa lý 6	105	4	1	1	4	1	1
22.	Lịch sử - Địa lý 7	105	4	1	1	4	1	1
23.	Lịch sử - Địa lý 8	105	4	1	1	4	1	1
24.	Lịch sử - Địa lý 9	105	4	1	1	4	1	1
25.	GDCD 6	35	2	1	1	2	1	1
26.	GDCD 7	35	2	1	1	2	1	1
27.	GDCD 8	35	2	1	1	2	1	1
28.	GDCD 9	35	2	1	1	2	1	1
29.	Nghệ thuật 6	70	3	1	1	3	1	1
30.	Nghệ thuật 7	70	3	1	1	3	1	1
31.	Nghệ thuật 8	70	3	1	1	3	1	1
32.	Nghệ thuật 9	70	3	1	1	3	1	1
33.	GDTC 6	70	3	1	1	3	1	1
34.	GDTC 7	70	3	1	1	3	1	1
35.	GDTC 8	70	3	1	1	3	1	1
36.	GDTC 9	70	3	1	1	3	1	1
37.	NN 1 – Anh 6	105	4	1	1	4	1	1
38.	NN 1 – Anh 7	105	4	1	1	4	1	1
39.	NN 1 – Anh 8	105	4	1	1	4	1	1
40.	NN 1 – Anh 9	105	4	1	1	4	1	1
41.	ANH TC 6	105	4	1	1	4	1	1
42.	ANH TC 7	105	4	1	1	4	1	1
43.	ANH TC 8	105	4	1	1	4	1	1
44.	ANH TC 9	105	4	1	1	4	1	1
45.	HDTN-HN 6	105	2	1	1	2	1	1
46.	HDTN-HN 7	105	2	1	1	2	1	1

STT	MÔN	SỐ TIẾT /NĂM	HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2		
			ĐG TX (HS1)	ĐGGK (HS2)	ĐGCK (HS3)	ĐG TX (HS1)	ĐGGK (HS2)	ĐGCK (HS3)
			SL	SL	SL	SL	SL	SL
47.	HĐTN-HN 8	105	2	1	1	2	1	1
48.	HĐTN-HN 9	105	4	1	1	4	1	1
49.	GDDP 6	35	2	1	1	2	1	1
50.	GDDP 7	35	2	1	1	2	1	1
51.	GDDP 8	35	2	1	1	2	1	1
52.	GDDP 9	35				4	2	2

Điều 7. Cách tính điểm trung bình môn học kỳ

Điểm trung bình môn học kỳ (viết tắt là ĐTB_{mhk}) là trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kỳ với các hệ số quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 26 như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

Căn cứ và tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học quy định trong Chương trình tổng thể và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù quy định trong Chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Giáo viên môn học căn cứ quy định tại điểm a khoản này nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập môn học.

c) Giáo viên chủ nhiệm căn cứ quy định tại điểm a khoản này theo dõi quá trình rèn luyện và học tập của học sinh; tham khảo nhận xét, đánh giá của giáo viên môn học, thông tin phản hồi của cha mẹ học sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình giáo dục học sinh; hướng dẫn học sinh tự nhận xét; trên cơ sở đó nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo các mức quy định tại khoản 2 Điều này.

Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kỳ và cả năm học

Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kỳ và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kỳ

- Mức Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.

- Mức Khá: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.

- Mức Đạt: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Mức Chưa đạt: Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Kết quả rèn luyện của học sinh cả năm học

- Mức Tốt: học kỳ II được đánh giá mức Tốt, học kỳ I được đánh giá từ mức Khá trở lên.

- Mức Khá: học kỳ II được đánh giá mức Khá, học kỳ I được đánh giá từ mức Đạt trở lên; học kỳ II được đánh giá mức Đạt, học kỳ I được đánh giá mức Tốt; học kỳ II được đánh giá mức Tốt, học kỳ I được đánh giá mức Đạt hoặc Chưa đạt.

- Mức Đạt: học kỳ II được đánh giá mức Đạt, học kỳ I được đánh giá mức Khá, Đạt hoặc Chưa đạt; học kỳ II được đánh giá mức Khá, học kỳ I được đánh giá mức Chưa đạt.

- Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Kết quả học tập của học sinh theo môn học

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

- Trong một học kỳ, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Kết quả học tập học kỳ II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Kết quả học tập học kỳ II được đánh giá mức Chưa đạt.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

" Điểm trung bình môn học kỳ (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkl}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkl} : Điểm trung bình môn học kỳ I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$: Điểm trung bình môn học kỳ II.

Kết quả học tập trong từng học kỳ, cả năm học

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, ĐTB_{mhk} được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kỳ, ĐTB_{mcn} được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh trong từng học kỳ và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Mức Tốt:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} đạt từ 8,0 điểm trở lên.

b) Mức Khá:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} đạt từ 6,5 điểm trở lên.

c) Mức Đạt:

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.
- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} dưới 3,5 điểm.

d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập

Nếu mức đánh giá kết quả học tập của học kỳ, cả năm học bị thấp xuống từ 02 (hai) mức trở lên so với mức đánh giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 (một) môn học thì mức đánh giá kết quả học tập của học kỳ đó, cả năm học đó được điều chỉnh lên mức liền kề.

Điều 8. Nội dung, cấu trúc đề kiểm tra

- Nội dung của đề kiểm tra phải bảo đảm đúng hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học các cấp học theo công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày

01/9/2011 của Bộ GD&ĐT. Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT.

- Trước ngày kiểm tra 14 ngày, tổ trưởng chuyên môn họp tổ và thống nhất cụ thể nội dung, cấu trúc đề kiểm tra và ghi biên bản trong sổ chuyên môn tổ.

- Đề kiểm tra phải bảo đảm yêu cầu bảo mật; nội dung kiểm tra phải theo tiến độ bài dạy ở kỳ kiểm tra và theo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình; xây dựng đề kiểm tra theo ma trận đề, đáp án phải phù hợp với trình độ, đối tượng học sinh, phù hợp thời gian làm bài và chương trình học, bảo đảm tính chính xác; Tránh ra đề yêu cầu quá cao hoặc thấp so với mức độ của chương trình và không phù hợp với trình độ, đối tượng học sinh.

- Các bài kiểm tra có thể thực hiện theo hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận hoặc theo hình thức tự luận.

- Kiểm tra Học kỳ I và Học kỳ II (Theo văn bản của Sở Giáo dục và Phòng Giáo dục Đào tạo hướng dẫn).

Điều 9. Yêu cầu của đề kiểm tra

Đề kiểm tra của học kỳ kiểm tra tập trung phải đạt các yêu cầu:

- Nội dung đề kiểm tra nằm trong chương trình trung học cơ sở hiện hành và đúng theo cấu trúc đề tổ chuyên môn đã thống nhất.

- Nội dung kiểm tra phải đảm bảo tính chính xác, câu hỏi rõ ràng, nội dung các câu hỏi theo tiến độ bài dạy (trước ngày kiểm tra 01 tuần), phù hợp chuẩn kiến thức và kỹ năng chương trình. Chú ý có các câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với thực tiễn cuộc sống với tỉ lệ phù hợp.

- Đề kiểm tra và đáp án của mỗi môn kiểm tra thuộc danh mục tài liệu tối mật theo quy định hiện hành cho đến thời điểm hết giờ làm bài của môn kiểm tra đó.

Điều 10. Yêu cầu kiểm tra, đánh giá, xét lên lớp cho học sinh hòa nhập

- Giáo viên dạy phải có kế hoạch riêng, phải có đề kiểm tra, đánh giá riêng cho từng học sinh.

- Căn cứ thông tư 03/TT-BGD ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- Căn cứ thông tư 22 ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- Căn cứ vào văn bản 1383/GDĐT-TrH của Sở Giáo dục, ngày 10 tháng 5 năm 2016 về hướng dẫn công tác giáo dục hòa nhập.

CHƯƠNG IV

CÔNG TÁC COI KIỂM TRA

Điều 11. Hội đồng coi kiểm tra

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng kiểm tra và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng. Thành viên hội đồng gồm: Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng và các thành viên phụ trách các công việc của đợt kiểm tra tập trung. Cụ thể:

- Chủ tịch hội đồng: Chịu trách nhiệm về quyết định thành lập hội đồng kiểm tra tập trung, chỉ đạo tổ chức phân công phương án thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ kiểm tra tập trung; chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế ra đề, coi kiểm tra, chấm thi, nhập điểm, thanh tra, ra quyết định xử lý vi phạm quy chế coi và chấm kiểm tra.

- Phó Chủ tịch hội đồng: Chịu trách nhiệm trực tiếp về chỉ đạo điều hành quản lý, chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí phòng kiểm tra, phối hợp với các bộ phận chuyên môn, đảm bảo an ninh trật tự trong các kỳ kiểm tra tập trung; Điều hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện qui chế coi kiểm tra của giáo viên, ra quyết định xử lý học sinh vi phạm qui chế kiểm tra; Chịu trách nhiệm trực tiếp về chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch tổ chức các kỳ kiểm tra tập trung ở các khâu chuyên môn (triển khai qui chế kiểm tra, duyệt đề kiểm tra, tổ chức in sao, bảo mật và phân phối đề kiểm tra tập trung, phân công coi, chấm kiểm tra và trả sửa bài kiểm tra, tổ chức phúc khảo, tổ chức quản lý điểm số); Điều hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện qui chế coi kiểm tra của giáo viên, ra quyết định xử lý học sinh vi phạm qui chế kiểm tra.

- Tổ trưởng chuyên môn: Chịu trách nhiệm về nội dung và tính bảo mật của đề kiểm tra.

- Các giáo viên bộ môn: Chịu trách nhiệm ra đề kiểm tra theo đúng nội dung thống nhất trong tổ và đảm bảo tính bảo mật của đề kiểm tra khi gửi cho tổ trưởng.

- Trưởng ban Thanh tra nhân dân: Chịu trách nhiệm giám sát tất cả các khâu trong quá trình kiểm tra – đánh giá học sinh.

- Cán bộ coi thi: Thực hiện tốt các công việc phân công của Chủ tịch hội đồng.

- Cán bộ chấm thi: Chịu trách nhiệm chấm bài theo đúng đáp án.

CHƯƠNG V

CHẤM KIỂM TRA – TRẢ BÀI KIỂM TRA

Điều 12. Chấm kiểm tra và trả bài kiểm tra

Kết thúc kiểm tra Phó hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận văn phòng làm phách. Thực hiện việc cắt phách sau khi đã lên mã phách. Phó hiệu trưởng chuyên môn bảo mật phần phách.

Tổ trưởng chuyên môn nộp đáp án (sau khi đã thống nhất trong nhóm, tổ chuyên môn) và nhận bài kiểm tra của học sinh tại phòng thực hành; Phân công giáo viên bộ môn trong tổ chấm bài và nhập điểm trên phần mềm EnetViet (trễ nhất là 01 tuần sau ngày kiểm tra).

Giáo viên chấm bài đúng đáp án biểu điểm, gạch chéo tất cả những phần giấy trắng còn thừa do học sinh không viết hết và tuyệt đối không ghi gì vào bài làm của học sinh. Giáo viên chấm trực tiếp ghi điểm toàn bộ bài vào ô qui định của tờ bài làm, ghi điểm thành phần (vào phần lẻ tờ giấy kiểm tra, ngay cạnh ý được chấm). Đối với bài kiểm tra phải nộp về trường quản lý thì giáo viên phải ký và ghi rõ họ tên vào ô qui định của tờ làm bài. Điểm của toàn bài được ghi bằng mực đỏ, nếu có sự thay đổi điểm thì gạch chéo điểm đã cho và ghi điểm mới bằng cả số và chữ rồi giáo viên chấm ký tên xác nhận việc sửa chữa. Trong quá trình chấm giáo viên quản lý bài được giao. Không một ai tự ý thay đổi điểm bài thi đã chấm. Nếu có sự thay đổi điểm phải được sự thống nhất của tổ trưởng chuyên môn và Ban giám hiệu. Quy định làm tròn điểm bài thi môn tự luận:

- Từ 5,25 làm tròn thành 5,3
- Từ 7,75 làm tròn thành 7,8

Điều 13. Phúc khảo bài kiểm tra

Sau khi phát bài kiểm tra, nếu học sinh muốn phúc khảo bài kiểm tra thì làm đơn xin phúc khảo gửi Ban giám hiệu nhà trường trong thời gian quy định.

Phó Hiệu trưởng quản lý tổng hợp và phân công giáo viên chấm phúc khảo có ghi biên bản chấm.

Điểm phúc khảo nếu có sự chênh lệch từ 01 điểm trở lên đối với bài kiểm tra 1 tiết và 0,5 điểm trở lên đối với bài kiểm tra học kỳ so với điểm chấm lần đầu, giáo viên bộ môn xin phiếu điều chỉnh điểm từ Phó Hiệu trưởng và gửi nhân viên quản lý nhập điểm điều chỉnh điểm trên hệ thống.

CHƯƠNG VI

YÊU CẦU TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Thực hiện kỳ kiểm tra nghiêm túc, qua đó đánh giá đúng thực chất chất lượng dạy học.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ, học kỳ theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Phòng Giáo dục; triển khai kế hoạch kiểm tra trong Hội đồng sư phạm (lịch kiểm tra, chấm bài, trả sửa bài kiểm tra, vào điểm, cộng điểm, phê học bạ, và thống kê báo cáo của trường...); Hiệu trưởng sinh hoạt kỹ nội quy coi kiểm tra cho giáo viên trong Hội đồng sư phạm nhà trường (nhắc nhở cụ thể việc coi kiểm tra nghiêm túc, trong quá trình coi kiểm tra không mang đồ dùng cá nhân lên phòng, tuyệt đối không sử dụng điện thoại, đọc báo trong lúc coi kiểm tra...) và sinh hoạt kỹ nội quy kiểm tra cho toàn thể học sinh (đến đúng giờ, những vật dụng được mang vào phòng kiểm tra, không được trao đổi, bàn bạc, không quay cốp và làm mất trật tự, ...

3. Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn học theo quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

4. Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh theo nội dung môn học quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong mỗi học kỳ, cả năm học.

5. Đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh yếu kém bộ môn.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Cán bộ quản lý

Chủ trì thành lập, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Điều 15. Giáo viên bộ môn

a. Thực hiện đầy đủ số lần kiểm tra; trực tiếp chấm bài kiểm tra, ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét), ghi nội dung nhận xét của người chấm vào bài kiểm tra; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét) vào sổ gọi tên và ghi điểm; đối với hình thức kiểm tra miệng, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp, nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn kiểm tra bằng nhận xét) vào sổ gọi tên và ghi điểm thì phải thực hiện ngay sau đó.

b. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kỳ, cả năm học và trực tiếp ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ.

c. Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm từng học kỳ, cả năm học của học sinh.

Điều 16. Giáo viên chủ nhiệm

a. Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm của lớp; giúp Hiệu trưởng theo dõi việc kiểm tra cho điểm, mức nhận xét theo quy định của Quy chế này.

b. Tính điểm trung bình các môn học theo học kỳ, cả năm học; xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ.

c. Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực từng học kỳ, cả năm học của học sinh. Lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận là học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè.

d. Lập danh sách học sinh đề nghị khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

e. Ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm và vào học bạ các nội dung sau đây:

- Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh;
- Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kỳ, cả năm học, được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè;
- Nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh trong đó có học sinh có năng khiếu các môn học đánh giá bằng nhận xét.

f. Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.